

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯ NGHĨA  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 11- 6 -2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Tài Tính.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Tấn Bốn

2. Bà Lê Thị Bích Lan

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thị Thu Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2021/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2021/QĐST- HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm: 1989. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ d, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Anh Trần Văn P, sinh năm: 1988. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ d, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2021, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:*

Chị Trần Thị H và anh Trần Văn P tìm hiểu yêu thương nhau được một thời gian thì tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/4/2011.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P không có công việc làm ổn định, bản thân không muốn đi làm, thường xuyên tụ tập bạn bè chơi sáng đêm, một mình chị H phải gánh vác toàn bộ kinh tế trong gia đình. Vì muốn giữ hạnh phúc gia đình nên chị H nhiều lần khuyên anh P tìm công việc làm ăn, thay đổi cách sống cùng chăm lo gia đình, nhưng anh P không nghe và không muốn đi làm. Từ đó, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Chị H xác định không thể tiếp tục chung sống với anh P được nữa, yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày: 13/5/2011. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- Về Tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H trình bày không có.

*Tại bản tự khai ngày 10/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn P trình bày ý kiến:*

Anh Trần Văn P và chị Trần Thị H tìm hiểu yêu thương nhau được một thời gian thì tự nguyện tổ chức lễ cưới vào năm 2011 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không lớn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm. Một phần cũng do anh P không có việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, nên bất hòa trong cuộc sống, anh P cũng cố gắng tìm công việc làm ăn, nhưng không phù hợp nên một mình chị H gánh vác mọi chi tiêu sinh hoạt trong gia đình. Anh P thừa nhận việc anh thường xuyên đi chơi đêm là một trong những nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, anh có hứa với chị H sẽ cố gắng thay đổi nhưng chưa thực hiện được, anh P mong muốn chị H bỏ qua, vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

Nay chị Trần Thị H xin ly hôn anh Trần Văn P không đồng ý.

- Về con chung: Anh P và chị H có 01 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày: 13/5/2011. Trường hợp chị H cương quyết ly hôn, anh P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn P trình bày không có.

*Tại biên bản xác minh ngày 17/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, ông Lê M Tổ trưởng tổ d, thị trấn L, huyện T cho biết:*

Trong thời gian vợ chồng anh P và chị H chung sống với nhau, không có mâu thuẫn gì lớn và không có sự phản ánh gì từ phía gia đình nên Tổ trưởng tổ d, thị trấn L không can thiệp gì trong cuộc sống của anh P và chị H. Đối với cháu Trần Bảo N là con chung của anh P và chị H được gia đình nuôi dạy tốt nên cháu bé phát triển bình

thường, được đến trường, nhận thấy anh P và chị H đều có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung.

*Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn P.

- Về con chung: Chị Trần Thị H có công việc làm ổn định, thu nhập bình quân 7.000.000đồng/tháng nên đảm bảo cuộc sống cho cháu N. Đề nghị giao cháu Trần Bảo N, sinh ngày: 13/5/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, tại phiên tòa chị H không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con nên anh P không phải cấp dưỡng nuôi cháu N.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Chị Trần Thị H, anh Trần Văn P đều trình bày và xác định không có. Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn anh Trần Văn P có hộ khẩu thường trú và địa chỉ nơi cư trú hiện nay tại tổ d, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn P tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Tư, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/4/2011 là trên tinh thần tự nguyện, không có sự ép buộc. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh P là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị H và anh P phát sinh nhiều mâu thuẫn nhưng không giải quyết được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên ngày 18/02/2021, chị Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn P và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn P. Còn anh P không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và qua thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

Trong quá trình chung sống, giữa chị H và anh P không có sự tương trợ giúp đỡ lẫn nhau, nguyên nhân là do anh P không có công việc làm ổn định lại thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi không lo gì đến kinh tế gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, bỏ mặc cho chị H tự xoay sở. Nhiều lần chị H khuyên nhủ động viên anh P thay đổi để cùng lo phát triển kinh tế gia đình và nuôi dạy con cái nhưng anh P không nghe.

Bản thân chị H là phụ nữ nhưng phải vừa đi làm để kiếm tiền chăm lo cuộc sống gia đình vừa chăm sóc con nhỏ, trong khi anh P không có sự quan tâm, chia sẻ khó khăn cùng với chị Hòa. Chị Hòa mất niềm tin vào anh P, không còn tình cảm với anh P dẫn đến lời lẽ xúc phạm lẫn nhau và mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Tòa án đã duy trì hòa giải, động viên để chị H và anh P hàn gắn lại tình cảm vợ chồng để chung sống đoàn tụ cùng nuôi dạy con, nhưng chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh P.

Vì những nhận định trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Trần Văn P của chị Trần Thị H.

[2.2] Về con chung: Chị H và anh P có 01 con chung tên Trần Bảo N, sinh ngày: 13/5/2021. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình Tòa án giải quyết và hòa giải anh P có ý kiến: Trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Bảo N, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: cháu Trần Bảo N, sinh ngày 13/5/2011 hiện nay chị H đang nuôi giữ. Chị Trần Thị H hiện tại đang có công việc làm và thu nhập ổn định, đảm bảo được việc tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dạy cháu N, hơn nữa tại bản trình bày của cháu N thể hiện nguyện vọng được ở với mẹ, khi mẹ và ba cháu N ly hôn. Còn anh P hiện nay chưa có công việc làm, thu nhập không ổn định.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu N, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình, giao cháu Trần Bảo N sinh ngày 13/5/2011 cho chị Trần Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở việc này.

Việc thực hiện quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn P đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, nguyên đơn chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai ngày 26/02/2021 .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9; Điều 51; Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

**1.** Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” của nguyên đơn chị Trần Thị H.

**2.** Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H được ly hôn với anh Trần Văn P.

**3.** Về con chung: Giao cháu Trần Bảo N ,sinh ngày 13/5/2011 cho chị Trần Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn P không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con được thực hiện theo Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

**4.** Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0005721 ngày 26/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

**5.** Chị Trần Thị H và anh Trần Văn P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa; tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND thị trấn L, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Đỗ Tài Tính**



